



Tạp chí

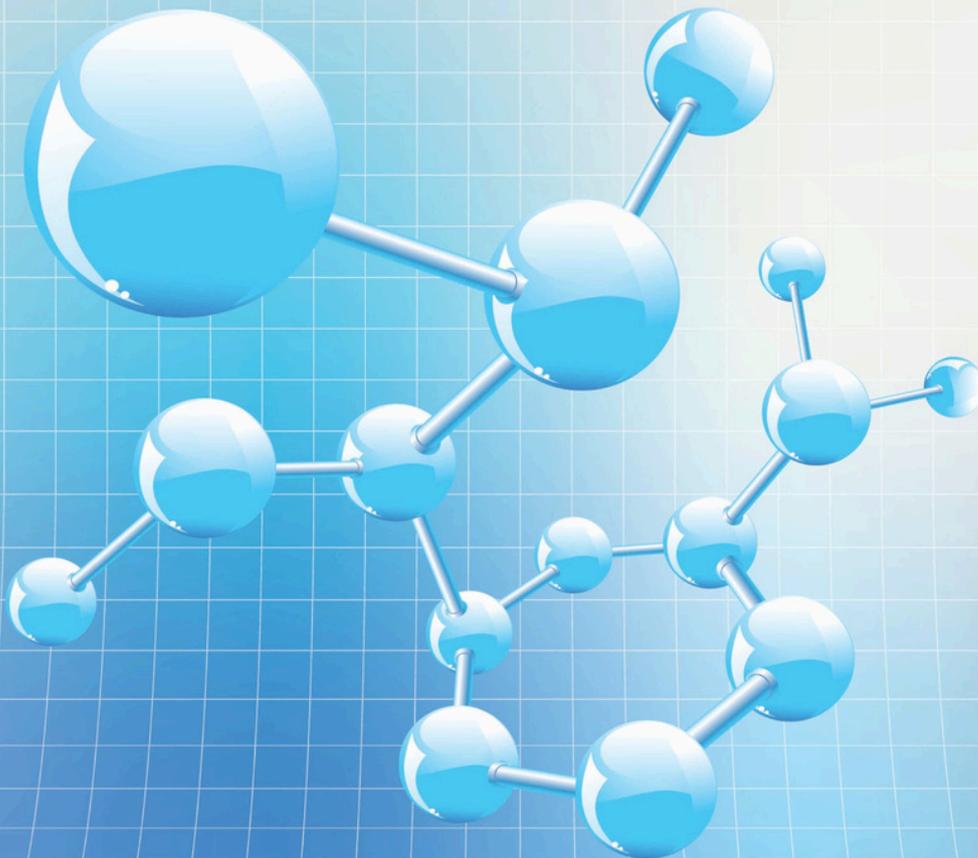
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

SCIENTIFIC JOURNAL - SAO DO UNIVERSITY

P. ISSN 1859-4190

E. ISSN 2815-553X



SỐ ĐẶC BIỆT

KỶ NIỆM 15 NĂM THÀNH LẬP TRƯỜNG

Số 2 (90)

2025

MỤC LỤC

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
1.	Xây dựng hệ sinh thái kinh tế số: Vai trò của giáo dục và nghiên cứu khoa học <i>Building a digital economy ecosystem: The role of education and scientific research</i>	Nguyễn Kế Nghĩa Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	7-16
2.	Áp dụng trí tuệ nhân tạo dự báo nhu cầu và tối ưu hóa tồn kho tại Việt Nam <i>Applying artificial intelligence to forecast demand and optimize inventory in Vietnam</i>	Nguyễn Xuân Trang Trường Kinh Tế Tài Chính - Đại học Thủ Dầu Một	17-24
3.	Kinh nghiệm của một số địa phương về phát triển nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế số - Bài học kinh nghiệm đối với tỉnh Hải Dương <i>Experiences of some localities in developing human resources for digital economic development - Lessons learned for Hai Duong province</i>	Vũ Hồng Phong; Phan Hoàng Đức; Vũ Văn Đông Trường Đại học Sao Đỏ	25-33
4.	Giải pháp phát huy tiềm năng và cơ hội tham gia, phát triển kinh tế số của thanh niên hiện nay <i>Solutions to promote the potential and opportunities to participate and develop the digital economy of youth</i>	Nguyễn Tuấn Anh Viện Nghiên cứu Thanh niên	34-43
5.	Nâng cao chất lượng nguồn lực giảng viên trong các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững <i>Improving the quality of teaching resources in higher education institutions to meet the needs of sustainable development</i>	Nguyễn Thị Hiền Oanh Trường Đại học Sài Gòn	44-52
6.	Kinh nghiệm quốc tế về quản lý nền kinh tế số và hàm ý cho Việt Nam <i>International experiences in digital economy governance and policy implications for Vietnam</i>	Luyện Thùy Dung*, Bùi Tiến Thịnh Trường Đại học Tài Chính – Quản trị kinh doanh	53-60
7.	Số hoá ngành du lịch Quảng Bình: cơ hội và thách thức trong chuyển đổi số <i>Digital Transformation of Quang Binh's Tourism Industry: Opportunities and Challenges</i>	Phan Thị Quỳnh Trang Trường Đại học Quảng Bình	61-69

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
8.	Khung năng lực nguồn nhân lực công nghệ thông tin trong bối cảnh chuyển đổi số <i>Information technology human resource capacity framework in the context of digital transformation</i>	Lại Thị Hiếu Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì	70-76
9.	Thương mại điện tử góp phần quan trọng phát triển kinh tế số ở Việt Nam hiện nay <i>E-commerce as a key driver of digital economy development in Vietnam</i>	Nguyễn Hữu Sơn Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh	77-83
10.	Chuyển đổi số trong doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam hiện nay <i>Digital transformation in small and medium enterprises in Vietnam today</i>	Trần Đăng Sinh¹, Phùng Thị Lý² ¹ Hội triết học Việt Nam ² Trường Đại học Sao Đỏ	84-93
11.	Chuyển đổi số ở thị trường lao động Việt Nam dưới góc nhìn xã hội học <i>Digital Transformation in the Vietnamese Labor Market: A Sociological Perspective</i>	Nguyễn Duy Thái^{1*}, Nguyễn Thị Hải Hà², Nguyễn Đức Chiện³ ¹ Tạp chí Xã hội học Việt Nam ² Trường Đại học Sao Đỏ ³ Viện Xã hội học	94-100
12.	Chuyển đổi số truy xuất nguồn gốc nông sản: kinh nghiệm quốc tế và gợi ý cho Việt Nam <i>Digital transformation in agricultural product traceability: international experiences and recommendations for Vietnam</i>	Lê Quý Dương^{1*}, Nguyễn Đức Chiện², Ngô Trung Thành³, Đinh Thị Thu Hằng³, Trần Thị Thu Thủy⁴ ¹ Viện nghiên cứu truyền thống và phát triển (TARDI) ² Viện Xã hội học – Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam ³ Khoa Khoa học xã hội – Học viện Nông nghiệp Việt Nam ⁴ Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật tỉnh Hải Dương	101-110
13.	Tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số đến phong cách lãnh đạo doanh nghiệp <i>Impacts of the Fourth Industrial Revolution and the digital transformation upon business leadership style</i>	Lưu Ngọc Trinh^{1*}, Lê Đăng Minh² ¹ Đại học Công Nghệ Giao thông vận tải ² Đại học Công nghệ Sài Gòn	111-120

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
14.	Nỗ lực thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của Nhật Bản <i>Japan's Efforts in Promoting the Digital Transformation</i>	Phạm Thị Hồng Hoa¹, Lưu Ngọc Trinh^{2*} ¹ Trường Đại học Sao Đỏ ² Đại học Công nghệ Giao thông vận tải	121-131
15.	Phát triển nông nghiệp trong nền kinh tế số hiện nay: Cơ hội và thách thức <i>Agricultural Development in Today's Digital Economy: Opportunities and Challenges</i>	Nguyễn Thị Ngọc Mai Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi	132-140
16.	Chính sách thu hút đầu tư nước ngoài vào kinh tế số tại Việt Nam <i>Policies for attracting foreign investment into the digital economy in Vietnam</i>	Bùi Tiến Thịnh*, Nguyễn Thị Hoàng Mai Trường Đại học Tài Chính – Quản trị kinh doanh	141-148
17.	Kinh tế số trong ngành du lịch Việt Nam: Cơ hội và thách thức <i>Digital Economy in Vietnam tourism industry: Opportunities and challenges</i>	Nguyễn Hoàng Mai¹, Nguyễn Thị Ngọc Mai² ¹ Viện nghiên cứu phát triển du lịch ² Trường Đại học Sao Đỏ	149-158
18.	Phát triển doanh nghiệp tư nhân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trong nền kinh tế số <i>Developing private enterprises in Da Lat city, Lam Dong province in the digital economy</i>	Trương Minh Hoài^{1*}, Lê Thị Lại² ¹ Trường Đại học Đà Lạt ² Trường cao đẳng Đà Lạt	159-165
19.	Phổ cập hiểu biết ứng dụng fintech – Gợi ý giải pháp chuyển đổi số <i>Popularizing fintech application knowledge - Digital transformation solution suggestions</i>	Lê Thị Thúy Hà Phân hiệu Bắc Ninh – Học viện Ngân hàng	166-175
20.	Quá trình phát triển và xu hướng thị trường thương mại điện tử trong tương lai ở Việt Nam <i>The development process and future trends of the e-commerce market in Vietnam</i>	Nguyễn Thị Huệ Trường Đại học Sao Đỏ	176-186
21.	Giải pháp phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn Việt Nam trong kỷ nguyên số <i>Solutions for agricultural and rural economic development in Vietnam in the digital era</i>	Ngô Thị Luyện Trường Đại học Sao Đỏ	187-194
22.	Một số giải pháp phát triển nguồn nhân lực trong xây dựng kinh tế số tại Việt Nam <i>Some solutions for human resource development in building digital economy in Vietnam</i>	Hoàng Thị Hoa Trường Đại Học Sao Đỏ	195-204

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
23.	Ứng dụng AI trong hoạt động marketing tại doanh nghiệp - Cơ hội và thách thức <i>Applying AI in marketing activities at enterprises - Opportunities and challenges</i>	Nguyễn Thị Thủy Trường Đại học Sao Đỏ	205-212
24.	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phát triển du lịch thông minh tại tỉnh Hải Dương <i>Application of artificial intelligence (AI) in tourism development smart in Hai Duong province</i>	Vũ Thị Hương Trường Đại học Sao Đỏ	213-221
25.	Hệ thống thông tin kế toán tại các doanh nghiệp Việt Nam trong nền kinh tế số <i>Accounting information systems in Vietnamese enterprises in the digital economy</i>	Vũ Thị Lý Trường Đại học Sao Đỏ	222-231
26.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hàng tồn kho, hiệu quả tại doanh nghiệp <i>Application of information technology in inventory management, efficiency in business</i>	Vũ Thị Thanh Thủy Trường Đại học Sao Đỏ	232-240
27.	Kinh tế số và giải pháp phát triển mô hình kinh tế số tại Việt Nam <i>Digital economy and solutions for developing digital economic models in Vietnam</i>	Nguyễn Minh Tuấn* , Phạm Thị Hồng Hoa Trường Đại học Sao Đỏ	241-249
28.	Ảnh hưởng của áp dụng trí tuệ nhân tạo đến năng suất lao động trong các doanh nghiệp thương mại điện tử tại Việt Nam <i>The influence of artificial intelligence adoption on workforce productivity in Vietnam e-commerce enterprises</i>	Nguyễn Thị Huyền Trang* , Trần Trọng Đức , Lê Khánh Duyên , Nguyễn Tuấn Minh , Nguyễn Hữu Hoàng Phúc , Đinh Thị Hồng Thắm Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	250-257
29.	Rủi ro gian lận báo cáo tài chính trong môi trường số và giải pháp kiểm toán số tại Việt Nam <i>Risk of financial reporting fraud in the digital environment and digital audit solutions in Vietnam</i>	Đinh Thị Kim Thiết Trường Đại học Sao Đỏ	258-265
30.	Hoàn thiện thể chế tạo tiền đề cho sự phát triển kinh tế số tại Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc <i>Perfecting the institutional framework as a prerequisite for digital economy development in Vietnam amidst the nation's rise</i>	Đậu Ngọc Linh Học viện cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh	266-273

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
31.	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế số và hàm ý chính sách cho Việt Nam <i>Factors influencing digital economy development and policy implications for Vietnam</i>	Hồ Thị Hà Trường Kinh tế tài chính - Trường Đại học Thủ Dầu Một	274-281
32.	Thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam: Thách thức và giải pháp <i>Promoting digital transformation in small and medium-sized enterprises (SMES) in Vietnam: Challenges and solutions.</i>	Nguyễn Thị Minh Hiếu^{1*}, Nguyễn Thị Huyền Trang² ¹ Trường Đại học Lao động Xã hội cơ sở II ² Trường Cao đẳng Công nghệ cao Đồng Nai	282-289
33.	Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu kinh tế số ở Việt Nam hiện nay <i>Developing human resources to meet digital economy requirements in Vietnam today</i>	Tạ Thị Năm Trường Đại học Công đoàn	290-297
34.	Cải tiến phương pháp kiểm tra - đánh giá nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số <i>Improving assessment methods – enhancing student training quality in the context of digital transformation</i>	Nguyễn Thị Thuỳ Trinh Trường Cao đẳng Đà Lạt	298-305
35.	Giải pháp nâng cao năng lực số của giảng viên đại học trong giai đoạn chuyển đổi số <i>Solutions to improve digital capabilities of university lecturers during the digital transformation period</i>	Nguyễn Thị Hiền Học Viện Ngân Hàng - Phân Viện Phú Yên	306-316
36.	Giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam trong kỷ nguyên số <i>Solutions to promote digital transformation of small and medium enterprises of Vietnam in the digital age</i>	Đinh Mạnh Tuấn^{1*}, Lê Thanh Thảo² ¹ Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ ² Công ty IPCOM Vietnam	317-323
37.	Ứng dụng công nghệ số trong công tác giảng dạy <i>Applying digital technology in teaching</i>	Nguyễn Thị Hồng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG TP HCM	324-331
38.	Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng thông minh: Góc nhìn pháp lý trong bối cảnh phát triển kinh tế số <i>The validity conditions of smart contracts: A legal perspective in the context of digital economic development</i>	Nguyễn Phương Uyên*, Thái Trần Văn Huế, Nguyễn Thị Diệu Hiền, Nguyễn Khánh Linh Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	332-339

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
39.	Phân tích tích hợp các đổi mới FinTech trong ngành ngân hàng: Những cải tiến và thách thức <i>Integrated Analysis of FinTech Innovations in Banking: Enhancements and Challenges</i>	Phí Văn Trọng* , Trần Thị Nam Thanh Trường Đại học Kinh tế quốc dân	340-349
40.	Một số vấn đề về chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng Việt Nam hiện nay <i>Some issues on digital transformation in the banking sector in Vietnam today</i>	Nguyễn Thị Huệ Viện Nghiên cứu Văn hoá – Viện Hàn lâm KHXHVN	360-359
41.	Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu xây dựng nền kinh tế số của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập khu vực Châu Á - Thái Bình Dương hiện nay <i>Developing high-quality human resources to meet the demands of building Vietnam's digital economy in the context of regional integration in the Asia-Pacific today</i>	Tiêu Thị Thu Ngân* , Nguyễn Phương Linh , Vũ Tuấn Nghĩa Trường Đại học Ngoại thương	360-367
42.	Thực trạng chuyển đổi số ngành ngân hàng tại Việt Nam <i>The current situation of digital transformation of the banking industry in Vietnam</i>	Lương Thị Hoa Trường Đại học Sao Đỏ	368-376
43.	Giải pháp chuyển đổi số trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương <i>Solutions for digital transformation in accounting practices at businesses in Hai Duong province</i>	Nguyễn Thị Quỳnh Trường Đại học Sao Đỏ	377-385
44.	Phát triển năng lực số cho sinh viên các trường đại học trong giai đoạn hiện nay <i>Developing digital competencies for university students in the current context</i>	Nguyễn Thị Lý Trường Đại học Lâm nghiệp	386-394
45.	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng hàng Việt trên sàn thương mại điện tử tại Việt Nam <i>Study on factors influencing Vietnamese consumer behavior on E-commerce platforms in Vietnam</i>	Trần Cương , Trần Thị Quý Chinh* Trường Kinh tế, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	395-403

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
46.	Các nhân tố ảnh hưởng đến ứng dụng công nghệ thông tin tại các doanh nghiệp Logistics trên địa bàn thành phố Hà Nội <i>Factors influencing the application of information technology in Logistics Enterprises in Hanoi</i>	Trần Thị Quý Chinh* , Trần Cương , Nguyễn Thị Mai Anh , Phạm Thị Hương Giang Trường Kinh tế, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	404-412
47.	Sử dụng lý thuyết TAM trong nghiên cứu nhận thức và mức độ tương tác của giảng viên và sinh viên kế toán, kiểm toán với ứng dụng AI trong đào tạo đại học. <i>Utilizing TAM Theory to study the perception and interaction of accounting and auditing lecturers and students with AI-powered tools in higher education</i>	Phùng Đặng Diệp Chi , Nguyễn Khánh Ly , Nguyễn Thu Ngân , Phạm Thành Long* Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	413-421
48.	Áp dụng thuế bất động sản trong bối cảnh chuyển đổi số: Kinh nghiệm từ Nga, Hoa Kỳ, Singapore và hàm ý chính sách cho Việt Nam <i>Real estate taxation in the digital age: Implementation insights from Russia, the United States, Singapore, and policy implications for Vietnam</i>	Nguyễn Văn Lộc , Nguyễn Văn Phương , Phạm Ngọc Hương Quỳnh* Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	422-431
49.	Tác động của quản trị nhân sự số đến kết quả làm việc của nhân viên tại các cơ sở giáo dục tại Hà Nội <i>The impact of digital human resource management on employee performance in educational institutions in Ha Noi</i>	Nguyễn Minh Phương¹ , Đào Thị Hà Anh^{2*} , Nguyễn Văn Lộc² ¹ Trường Đại học Việt Nhật - Đại học Quốc gia Hà Nội ² Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	432-441
50.	Một số vấn đề lý luận và thực tiễn giải pháp tăng cường thực thi chính sách hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam <i>Some theoretical and practical issues on solutions to strengthen the implementation of policies to support digital transformation for small and medium-sized enterprises in Vietnam</i>	Phạm Thanh Tùng Ban Tổ chức – Kiểm tra Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	442-450

Giải pháp nâng cao năng lực số của giảng viên đại học trong giai đoạn chuyển đổi số

Solutions to improve digital capabilities of university lecturers during the digital transformation period

Nguyễn Thị Hiền

Học Viện Ngân Hàng - Phân Viện Phú Yên

Email: hiennguyen.py@hvnh.edu.vn

Ngày nhận bài: 01/3/2025

Ngày nhận bài sửa theo phản biện: 28/4/2025

Ngày chấp nhận đăng: 11/5/2025

Tóm tắt

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ. Chuyển đổi số (CĐS) trong giáo dục đại học là yêu cầu bắt buộc trong hệ thống giáo dục Việt Nam hiện nay. Bởi các trường đại học muốn thăng hạng trong nước cũng như quốc tế, muốn nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo và quản lý, muốn thu hút người học thì các trường đại học phải tiến hành CĐS. Để CĐS thành công, trong đó giảng viên là lực lượng nòng cốt làm chủ công nghệ số, để trở thành người dẫn dắt, kiến tạo tri thức, khơi gợi và tạo động lực cho người học. Để đáp ứng được yêu cầu của cuộc Cách mạng CĐS, giảng viên không ngừng học tập, nâng cao *năng lực số (NLS)* trong môi trường số. Bài viết nhằm đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực số cho giảng viên các trường đại học (TĐH) để CĐS trong giáo dục đại học diễn ra nhanh chóng, thuận lợi và thành công

Từ khóa: *Chuyển đổi số; năng lực số; giảng viên trường đại học.*

Abstract

In the context of globalization and the 4.0 Industrial Revolution is taking place strongly. Digital transformation in higher education is a mandatory requirement in the current Vietnamese education system. Because universities want to promote domestic and international rankings, improve the quality of education, training and management, and attract learners, universities must conduct digital transformation. Because universities want to promote domestically and internationally, want to improve the quality of education, training and management, and want to attract learners, universities must conduct digital transformation. For college to be successful, lecturers are the core force mastering digital technology. For successful digital transformation, lecturers are the core force to master digital technology, to become leaders, create knowledge, inspire and motivate learners. Lecturers are constantly learning and improving their digital skills in the digital environment. This article aims to offer some solutions to improve digital competencies for university lecturers.

Keywords: *Chuyển đổi số; năng lực số; giảng viên trường đại học.*

1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC, NĂNG LỰC SỐ CỦA GIÁNG VIÊN

1.1. Chuyển đổi số trong giáo dục đại học Việt Nam

Cùng với sự phát triển như vũ bão của khoa học và công nghệ dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Chuyển đổi số (CĐS) đã và đang trở thành xu hướng lớn, tác động mạnh mẽ đến các lĩnh vực của đời sống xã hội. Có nhiều quan niệm khác nhau về CĐS, nhưng về bản chất, theo Cục tin học hóa - Bộ Thông tin và Truyền thông “ *Chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số*”[4]. Nói cách khác, CĐS là quá trình chuyển đổi từ mô hình truyền thống sang mô hình số bằng cách ứng dụng các công nghệ mới, như dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT), điện toán đám mây (Cloud computing), trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, thực tế ảo.v.v. và các phần mềm công nghệ để thay đổi phương thức quản lý, điều hành, thay đổi quy trình, phương thức làm việc và thay đổi văn hóa tổ chức. Theo đó, mọi người tiếp cận thông tin nhiều hơn, rút ngắn về khoảng cách, thu hẹp về không gian, tiết kiệm về thời gian. CĐS là xu thế tất yếu, diễn ra rất nhanh đặc biệt trong bối cảnh của cuộc Cách mạng Công nghệ 4.0 hiện nay. Trong xu thế chung của thế giới về CĐS, ngày 03/06/2020, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 749/QĐ-TTg về việc phê duyệt “*Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*”. CĐS diễn ra trên tất cả các lĩnh

vực của đời sống xã hội, trở thành động lực cho sự phát triển của các quốc gia. Trong đó, giáo dục là lĩnh vực được ưu tiên CĐS thứ hai sau lĩnh vực y tế. Chuyển đổi số trong giáo dục được xác định là khâu then chốt, đi trước một bước, làm tiền đề thực hiện CĐS trên các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Theo công thông tin của thư viện pháp luật, CĐS trong giáo dục có thể được hiểu là “*Chuyển đổi số trong giáo dục là quá trình tích hợp công nghệ kỹ thuật số và Internet vào hệ thống giáo dục nhằm cải thiện chất lượng giảng dạy, học tập và quản lý. Điều này bao gồm việc cập nhật phương pháp giảng dạy, sử dụng các thiết bị hỗ trợ học tập tiên tiến và nâng cao trải nghiệm học tập của học sinh, sinh viên*”[3]. CĐS được thực hiện toàn diện trong các thành tố của quá trình dạy học từ nguồn tài liệu, người thầy, người trò đến nội dung, phương pháp, tổ chức dạy học, tạo sự đồng bộ, thực hiện có hiệu quả quan điểm: “*Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài*”. CĐS giáo dục đại học đã và đang có những thay đổi mạnh mẽ, nhanh chóng, toàn diện về mô hình, cách thức tổ chức và quản lý quá trình dạy học. Với một số công nghệ số như:

- Học trực tuyến (E-learning): Các khóa học trực tuyến cho phép học viên học tập mọi lúc, mọi nơi.

- Giáo trình điện tử: Thay thế sách giáo khoa truyền thống bằng giáo trình điện tử, giúp tiết kiệm giấy và dễ dàng cập nhật nội dung.

- Phần mềm quản lý học tập (LMS): Hỗ trợ giáo viên quản lý khóa học, đánh giá và theo dõi tiến độ của học viên một cách hiệu quả.

- Công cụ hợp tác trực tuyến: Sử dụng các ứng dụng như Google Classroom, Microsoft Teams, Zoom để giảng viên và sinh viên tương tác, học tập cùng nhau.

Để đáp ứng mục tiêu CDS trong giáo dục và đào tạo, ngày 25/01/2022 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 131/QĐ-TTg về phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030" nhằm tạo bước đột phá trong đổi mới hoạt động giáo dục và đào tạo, với vai trò trung tâm của quá trình CDS là nhà giáo, coi đội ngũ nhà giáo là thước đo chủ yếu đánh giá mức độ thành công của CDS.

Quá trình triển khai Đề án trong giáo dục đại học đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định thông qua bộ chỉ số, tiêu chí đánh giá tại Quyết định số 4740/QĐ-BGDĐT, ngày 06/12/2022. Trong đó, năng lực số của giảng viên được đánh giá qua việc khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học và khả năng xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy thúc đẩy sự tương tác giữa người dạy và người học, khiến cho bài giảng của giảng viên luôn uyển chuyển, linh hoạt, giúp giảng viên và sinh viên có thể tìm kiếm và chia sẻ thông tin, nâng cao khả năng tự học, tự giải quyết vấn đề cho sinh viên, cũng như nâng tầm khả năng nghiên cứu khoa học của giảng viên góp phần

nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên.

1.2. Lý luận chung về năng lực số

Năng lực số (NLS) là một khái niệm bao trùm nhiều phương diện của vấn đề thích ứng công nghệ số trong bối cảnh xã hội hiện nay (không chỉ là năng lực ứng dụng CNTT). Khái niệm NLS cũng như đưa ra khung đo lường NLS được đưa ra bởi nhiều tổ chức lớn và uy tín trên thế giới như: UNESCO; khung năng lực số Châu Âu - DigComp 2.0; khung năng lực số của Microsoft - Digital Literacy Standard Curriculum; hay khung năng lực số của Hội đồng Thủ thư Đại học Úc (CAUL - Council of Australian University Librarians).v.v.v. Theo thư viện pháp luật "*Năng lực số, hay còn gọi là digital literacy hoặc digital skill, là khả năng hiểu, sử dụng và tận dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) để hoàn thành các nhiệm vụ và mục tiêu cá nhân cũng như nghề nghiệp*"[2]. Điều này bao gồm việc sử dụng máy tính, phần mềm, dữ liệu và Internet để tìm kiếm thông tin, giải quyết vấn đề và tạo ra giá trị. Năng lực số không chỉ dừng lại ở kỹ thuật mà còn bao gồm khả năng phân tích thông tin, đánh giá tình huống và áp dụng kiến thức để đưa ra quyết định thông minh. Đây là một kỹ năng quan trọng trong thời đại số hóa hiện nay, giúp cá nhân và tổ chức cạnh tranh và phát triển.

Năng lực số trong giáo dục là khả năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) để hỗ trợ quá trình dạy và học. Điều này bao gồm việc sử dụng các công cụ kỹ thuật số để tìm kiếm, đánh giá và chia sẻ thông tin,

cũng như tạo ra nội dung số và hợp tác trực tuyến.

Khung năng lực số của Việt Nam đã được xây dựng và công bố. Vào ngày 10 tháng 11 năm 2022, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, phối hợp với Tập đoàn Meta, đã công bố khung năng lực số đầu tiên dành cho sinh viên Việt Nam. Khung này bao gồm bảy nhóm năng lực chính:

- Vận hành thiết bị và phần mềm.
- Năng lực thông tin và dữ liệu.
- Giao tiếp và hợp tác trong môi trường số.
- Sáng tạo nội dung số.
- An ninh và an toàn trên không gian mạng.
- Học tập và phát triển kỹ năng số.
- Năng lực số liên quan đến nghề nghiệp.

Năng lực số của giảng viên được hiểu là: *“Năng lực số của giảng viên là khả năng hiểu, truy cập, quản lý, giao tiếp, đánh giá và sáng tạo thông tin trong môi trường số nhằm hình thành tư duy, thái độ và phương thức nghiên cứu và giảng dạy số hiệu quả.”* [13] Năng lực số của giảng viên các trường đại học là điều kiện để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu trong môi trường CDS. Năng lực số giúp cho giảng viên không chỉ sử dụng công nghệ trong nghiên cứu và giảng dạy, mà còn là cơ sở hình thành tư duy, thái độ và phương thức làm việc hiệu quả.

2. NHỮNG CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CHO ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN KHI THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ

2.1. Những cơ hội cho đội ngũ giảng viên khi thực hiện chuyển đổi số

Thứ nhất: Chuyển đổi số đã đúc kết những thành tựu khoa học về công nghệ số đã cung cấp kho dữ liệu lớn chứa đựng khối lượng tri thức khổng lồ; các phần mềm ứng dụng để phục vụ quá trình giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên đa dạng, phong phú.

Từ khi Nhà trường thực hiện CDS, giảng viên và sinh viên có điều kiện tiếp cận với thư viện số, truy cập nhiều trang web tài liệu miễn phí hoặc chỉ mất một khoản phí nhỏ để đọc và tải về những tài liệu cần thiết cho môn học, truy xuất nguồn gốc của các câu trích dẫn trong những tác phẩm kinh điển tìm hiểu và thực hiện viết bài cho các tạp chí quốc tế đang được giảng viên hết sức quan tâm, rất cập nhật, kịp thời, đa dạng, phong phú được thực hiện thuận lợi và không giới hạn về không gian, về vị trí địa lý và thời gian.v.v. Hệ thống tài liệu phong phú, đa dạng đã mở ra cơ hội tiếp cận với kho tàng tri thức khổng lồ của nhân loại qua các thời kỳ lịch sử. Những thành tựu của khoa học công nghệ mới và việc tiếp cận với những tiêu chuẩn nghiên cứu khoa học của thế giới, nhờ đó bài giảng của giảng viên sinh động và phong phú, sáng tạo hơn nhiều. Điều này mở ra cơ hội nâng cao năng lực nghiên cứu của giảng viên, nâng cao chỉ số đánh giá của trường đại học trong bảng xếp hạng các trường ở phạm vi khu vực hoặc quốc tế.

Thứ hai: Chuyển đổi số giúp cho người dạy và người học nhanh chóng thích nghi và sử dụng công cụ đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục, công nghệ hiện đại trong dạy và học và đối sánh chất lượng theo thông lệ

quốc tế để đảm bảo thực hiện mục tiêu đổi mới giáo dục Việt Nam. Việt Nam đã tham gia PISA (Chương trình đánh giá học sinh quốc tế - Programme for International Student Assessment) và xếp hạng đại học, thông qua đó Chính phủ có thể nhìn nhận thực trạng của hệ thống giáo dục quốc gia và đánh giá tầm quan trọng của CDS trong thực hiện đổi mới toàn diện nền giáo dục nước nhà và hội nhập quốc tế.

Thứ ba: Ứng dụng những thành tựu khoa học, công nghệ của CDS để đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy. CDS trong giáo dục đào tạo tập trung vào hai nội dung chủ đạo là CDS trong quản lý giáo dục và CDS trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá, nghiên cứu khoa học (NCKH) của giảng viên.

Về nội dung giảng dạy: Ứng dụng những thành tựu của khoa học công nghệ qua việc sử dụng thực tế ảo, mạng xã hội, điện toán đám mây, giảng viên cung cấp một lượng kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành.v.v. đã được cô đọng và sinh động hơn, giảng viên đã truyền tải được nội dung cốt lõi đến người học. Đồng thời giảng viên cũng có thể liên kết đến nhiều nội dung học tập khác có liên quan đến môn học khi kết hợp với các ứng dụng của công nghệ như kahoot.it v.v. làm thay đổi việc quản lý lớp học, phân chia nội dung giảng, nội dung thảo luận, nội dung tự học và kiểm soát các hoạt động học tập của sinh viên mang lại hiệu quả.

Về phương pháp giảng dạy: Khoa học công nghệ đã làm đổi mới phương pháp

giảng dạy của giảng viên từ việc chủ yếu truyền đạt tri thức sang những phương pháp giảng dạy tích cực. Khêu gợi tính sáng tạo của người học khi sử dụng các ứng dụng hiện đại, sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông (Information and Communication Technology – ICT) để xử lý, lưu trữ, truy xuất, truyền tải và trao đổi thông tin dưới nhiều hình thức khác nhau. ICT bao gồm các công cụ và ứng dụng, như máy tính, phần mềm, mạng internet, thiết bị di động, hệ thống truyền thông và các công nghệ tương tự khác để hỗ trợ. Việc thay đổi từ nền tảng truyền thống sang nền tảng số, khái quát trên một số dữ liệu: Học liệu số hóa: tài liệu giảng dạy và học tập được chuyển từ dạng vật lý sang các định dạng số; Mô hình học tập trực tuyến: sử dụng các nền tảng học tập trực tuyến, như (Learning Management System – LMS), (Massive Open Online Course – MOOC) cho phép học tập mọi lúc, mọi nơi; Giảng viên sử dụng các công cụ kỹ thuật số để hỗ trợ giảng dạy, như ứng dụng AI trong đánh giá học sinh, cá nhân hóa việc học và sử dụng mô phỏng hoặc thực tế ảo (Virtual Reality – VR). v.v.v. Những ứng dụng này giúp cho bài giảng thêm sinh động, kết hợp được nhiều cách thức tương tác đến người học khác nhau thông qua nghe, nhìn, cảm nhận, từ đó sinh viên có thể phát huy tối đa các năng lực nhớ, hiểu, vận dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo từ chính phương pháp mà giảng viên cung cấp cho người học.v.v. từ đó tạo ra cơ hội học tập không giới hạn cho người học.

2.2. Những khó khăn của giảng viên khi thực hiện chuyển đổi số

Thứ nhất: Sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ như hiện nay, đã tác động và làm thay đổi mọi mặt đến đời sống kinh tế - xã hội, làm cho lĩnh vực giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng tất yếu phải thay đổi theo để xã hội tồn tại thích nghi và phát triển. Hơn nữa tầm quan trọng của giáo dục đại học cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội, đáp ứng nhu cầu của thời đại và hội nhập quốc tế. Vì vậy việc nhận thức đúng tầm quan trọng của CDS và để CDS diễn ra nhanh chóng và thành công thì việc nâng cao NLS của giảng viên là xu hướng tất yếu của sự phát triển trong giáo dục đại học. Tuy nhiên, việc nhận thức đúng tầm quan trọng và xu hướng tất yếu của sự phát triển trong giáo dục đại học để triển khai thực hiện nhiệm vụ mới sẽ gặp không ít khó khăn, bởi lẽ việc triển khai những vấn đề mới mẻ thường sẽ vấp phải những sự phản đối, những ý kiến trái chiều. Công tác tuyên truyền, phổ biến nhận thức về CDS để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội chưa được triển khai sâu rộng và liên tục; nhận thức của một bộ phận giảng viên chưa có sự chuyển biến, chưa hiểu, chưa thấy được hiệu quả của công cuộc CDS trong giảng dạy.

Thứ hai: Việc thay đổi thói quen thường ngày của giảng viên và sinh viên cũng là vấn đề khó khăn, bởi cả giảng viên, sinh viên và những người quản lý đã quen với môi trường thực nhiều thế kỷ qua nay chuyển sang môi trường số là trường môi trường ảo. Hơn nữa việc thay đổi thói quen

là việc làm khó và phải thực hiện lâu dài và dần từng bước thì mới thay đổi được. Tuy nhiên, việc CDS lại là việc cần làm ngay, nhanh và là người đầu tiên phải thực hiện.

Thứ ba: Với khối lượng thông tin đồ sộ như hiện nay, việc tìm kiếm thông tin dễ dàng nhưng mỗi lần tìm kiếm có thể hiển thị hàng triệu, hàng tỷ kết quả khác nhau, giảng viên phải bỏ nhiều thời gian truy cập và thường xuyên tìm kiếm mới có thể hướng dẫn cho sinh viên những trang web, cung cấp những tài liệu đáng tin cậy. Cùng với quá trình CDS nhiều hành vi sai phạm mới cũng xuất hiện như: Tình trạng thiết lập trang web ảo, mạo danh, trang web với những nội dung xuyên tạc, phản động. Những chiêu trò lừa đảo và những trang của các nhóm khủng bố cũng xuất hiện.v.v. không hề ít và nội dung thay đổi từng ngày, từng giờ khiến cho giảng viên cũng rất khó kiểm soát. Các thông tin bảo mật về đề thi, thông tin cá nhân, tài khoản của giảng viên luôn đứng trước những nguy cơ bị hack. Nhiều câu chuyện liên quan đến giảng viên bị phản ánh sai sự thật, lan truyền trên mạng một cách thiếu kiểm soát gây ra dư luận không tốt, ảnh hưởng đến công việc và đời sống của giảng viên.

Thứ tư: Những khó khăn và thách thức như: Cơ sở vật chất, hạ tầng mạng, trang thiết bị (như máy tính, camera, máy in, máy quét), đường truyền, dịch vụ Internet còn thiếu, lạc hậu, chưa đồng bộ, nhiều nơi chưa đáp ứng yêu cầu cho CDS. Cơ sở dữ liệu số hóa chuyên ngành (dữ liệu người học, dữ liệu giảng viên, học liệu) đòi hỏi sự đầu tư lớn về nhân lực (gồm cả nhân lực

quản lý và nhân lực triển khai) cũng như tài chính để đảm bảo cho việc số hóa. Việc xây dựng kho học liệu số (như sách điện tử, thư viện điện tử, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, bài giảng điện tử, phần mềm học điện tử, phần mềm ứng dụng mô phỏng) chưa cụ thể và đồng bộ, còn phát triển tự phát dẫn đến lãng phí, mất thời gian, công sức và tài chính. Thu thập, chia sẻ, khai thác dữ liệu quản lý giáo dục và học liệu số cần hành lang pháp lý chung phù hợp với các quy định về bản quyền tác giả, sở hữu trí tuệ, an ninh thông tin, giao dịch điện tử và luật chia sẻ cung cấp thông tin. Xây dựng chương trình học trực tuyến, thời lượng học, kiểm tra đánh giá trực tuyến, kiểm định chất lượng học trực tuyến, công nhận kết quả học trực tuyến (khác với học truyền thống); quy định điều kiện tổ chức lớp học, trường học trên môi trường mạng (kể cả ngắn hạn và dài hạn).

Những mặt còn hạn chế: Mặc dù đáp ứng cơ bản yêu cầu của thực tiễn nhưng năng lực số của giảng viên hiện nay còn tồn tại như:

Về kiến thức và kỹ năng ứng dụng công nghệ của đội ngũ giảng viên còn chưa thành thạo. Mặt bằng trình độ công nghệ thông tin của đội ngũ giảng viên không đồng đều. Nhiều giảng viên giỏi chuyên môn nhưng khả năng sử dụng công nghệ chưa cao, kỹ năng thiết kế bài giảng, khóa học trên nền tảng kỹ thuật số chưa thành thạo. Việc thiết kế kịch bản dạy học, xây dựng hình ảnh, video clip, tích hợp các trang màn hình.v.v. đối với nhiều giảng viên còn mới lạ.

Tư duy, phong cách giảng dạy ít thay đổi trong điều kiện CĐS. Nhiều giảng viên còn trì trệ, thụ động, ngại thay đổi hoặc dạy học trên nền tảng số một cách đối phó, tính sáng tạo mờ nhạt. Thậm chí, nhiều bài giảng không khác bài giảng truyền thống dù có hỗ trợ của công nghệ hiện đại. Do nhận thức chưa đầy đủ về tính tất yếu khách quan của sự chuyển đổi phương thức dạy học trong môi trường công nghệ, do ý thức thiếu tích cực của cả giảng viên và sinh viên, cộng với phong cách tư duy và tâm thế làm việc cũ kỹ, thiếu động cơ tích cực nên NLS của đội ngũ vốn đã yếu lại có nhiều lực cản trong quá trình phát triển.

Sự phát triển của công nghệ thông tin đem lại không gian rộng mở trong giao tiếp, các mối quan hệ thầy - trò, đồng nghiệp giới chuyên môn có nhiều điều kiện để thiết lập, phát huy. Song, không ít giảng viên thiếu tích cực khi trao đổi, hợp tác chuyên môn với đồng nghiệp. Do tâm lý e ngại, sự ích kỷ về tri thức, không muốn chia sẻ với đồng nghiệp; sự kết nối lỏng lẻo, hạn chế của đội ngũ giảng viên giữa các trường đại học, giữa giảng viên với các tổ chức liên quan đến lĩnh vực đào tạo của nhà trường, giữa giảng viên với sinh viên.v.v. thể hiện những hạn chế về năng lực giao tiếp trên nền tảng số của đội ngũ này.

Nguyên nhân hạn chế: Những bất cập về NLS của giảng viên và sinh viên xuất phát nguyên nhân sau: Chính sách thúc đẩy CĐS trong giáo dục nói chung và đào tạo đại học nói riêng đã được quan tâm, song hành lang pháp lý và các quy định cụ thể quản lý, vận hành đào tạo vẫn đang trong

quá trình hoàn thiện. Các văn bản hướng dẫn triển khai mang tính thời điểm, chưa xây dựng lộ trình và quy cách thực hiện mang tính đồng bộ, thống nhất. Cơ sở dữ liệu kết nối các trường đại học đã được xây dựng, phát huy hiệu quả trong công tác quản lý. Song, dữ liệu khoa học dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học và đào tạo chưa nhiều, chưa thật sự thông suốt và tiện ích. Để đáp ứng yêu cầu giảng dạy và nghiên cứu khoa học, các dữ liệu trên nền tảng số phải là nền tảng dữ liệu mở, liên tục được cập nhật từng ngày.

Hành lang pháp lý chung cho việc xây dựng, cập nhật số hóa dữ liệu còn chưa rõ ràng. Những vấn đề về bản quyền, sở hữu trí tuệ, an ninh thông tin, giao dịch điện tử.v.v. còn rất nhiều bất cập, làm hạn chế cả hiệu quả quản lý và mức độ tham gia dạy và học trong môi trường số. Yếu tố này tác động mạnh mẽ, thậm chí sự không minh bạch, làm hạn chế, triệt tiêu động cơ, động lực phát triển NLS của đội ngũ giảng viên.

Bên cạnh đó, hạ tầng mạng, trang thiết bị công nghệ thông tin, đường truyền, dịch vụ internet của các trường đại học chưa đồng bộ CDS.

3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC SỐ CHO GIẢNG VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRONG GIAI ĐOẠN CHUYỂN ĐỔI SỐ

Một là: Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số và yêu cầu đổi mới giáo dục đại học thời đại chuyển đổi số

Quán triệt quan điểm của Đảng về CDS trong giáo dục. Bộ giáo dục và đào tạo chỉ

đạo đến các trường đại học tập trung thực hiện một cách đồng bộ về các phương diện.

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cán bộ quản lý, nhất là đội ngũ giảng viên và sinh viên về vai trò của ứng dụng CDS trong đổi mới giáo dục đại học, mục tiêu, nội dung, yêu cầu thực hiện chương trình. Tập trung nâng tầm nhận thức của giảng viên là lực lượng nòng cốt góp phần CDS thành công. Thường xuyên đào tạo, nâng cao nhận thức, kỹ năng phục vụ vận hành các hoạt động CDS cho cán bộ, giảng viên. Tập trung nguồn lực cho các chương trình, dự án liên quan đến lĩnh vực công nghệ thông tin phục vụ CDS. Tăng cường hợp tác với các tổ chức nghiên cứu trong nước và quốc tế, thường xuyên tổ chức các hội thảo, hội nghị về CDS tại các cơ sở đào tạo. Nhằm trao đổi kinh nghiệm, giúp giảng viên cập nhật kiến thức, tiếp cận công nghệ mới và học hỏi từ các chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực giáo dục số. Nâng cao nhận thức về CDS của tập thể Nhà trường trong đó có đội ngũ giảng viên góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, thúc đẩy quá trình CDS thành công.

Hai là: Nâng cao năng lực số cho đội ngũ giảng viên

Trong lĩnh vực giáo dục vai trò người thầy đặc biệt quan trọng, là yếu tố then chốt, quyết định chất lượng giáo dục, đào tạo, giảng viên đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục đại học. Trước yêu cầu của quá trình CDS đòi hỏi các cơ sở giáo dục đại học cần tập trung bồi dưỡng kỹ năng, trình độ sử dụng công nghệ cho đội ngũ giảng viên, nhất là kỹ năng làm chủ

công nghệ thông tin, khả năng khai thác, làm việc trên môi trường mạng, năng lực tổ chức dạy học như là điều kiện tiên quyết, quyết định chất lượng, hiệu quả quá trình đổi mới trong giáo dục trong kỷ nguyên số hiện nay. Tập huấn về sử dụng công nghệ cho giảng viên phải tiến hành thường xuyên liên tục, cập nhật kịp thời các chương trình công nghệ số như: Giảng viên phải làm chủ hệ thống LMS Moodle và các công cụ giao tiếp trực tuyến trong môi trường số: Zoom, Gooddrive. Kahoot.v.v. Công nghệ số đã đem đến nhiều tiện ích, tiết kiệm cho người dạy và người học thời gian, công sức và tiền bạc, công nghệ đã kết nối giữa người dạy và người học được tương tác với nhau không giới hạn về không gian và thời gian. Công nghệ đã làm thay đổi hoàn toàn quy trình lên lớp của giảng viên và học tập của sinh viên như: Tương tác xem và tải tài liệu; điểm danh tham gia buổi học; thực hành làm bài tập trắc nghiệm Quizi; tương tác thảo luận; tương tác trực tuyến, làm và nộp bài tập nhóm; phản hồi của người học.v.v.

Quá trình CDS trong nghiên cứu khoa học cũng là trụ cột quan trọng của một trường đại học. Giúp giảng viên, sinh viên có điều kiện tham gia nhiều hội thảo khoa học trong nước và quốc tế được thực hiện trên môi trường số, được tiếp xúc, khai thác các tài liệu khoa học trên môi trường số phục vụ cho quá trình nghiên cứu khoa học như: các sách chuyên khảo, các công trình nghiên cứu khoa học đã công bố. Bên cạnh đó, các nghiên cứu khoa học của trường đại học trong quá trình CDS cũng được thực

hiện theo định hướng giúp thúc đẩy quá trình số hóa tại các doanh nghiệp.

Nhà trường cần xây dựng các cơ chế khen thưởng kịp thời, nhằm ghi nhận những nỗ lực của giảng viên trong việc có thành tích xuất sắc về đổi mới phương pháp giảng dạy số và nghiên cứu khoa học. Nhằm thúc đẩy giảng viên tích cực tham gia vào quá trình đổi mới, khuyến khích giảng viên duy trì và nâng cao kỹ năng của mình, giúp giảng viên có động lực để cống hiến và sáng tạo hơn trong phương pháp giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Họ sẽ trở thành những tấm gương cho các đồng nghiệp khác học hỏi. Từ đó góp phần xây dựng môi trường giáo dục & đào tạo năng động, đổi mới, sáng tạo và tích cực. Đưa kết quả triển khai CDS vào chỉ tiêu đánh giá KPI của các cán bộ, giảng viên của cơ sở đào tạo hàng năm.

Ba là: Cơ sở đào tạo cần tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh chương trình giáo dục đại học, chương trình đào tạo

Nhà trường cần xây dựng các mã ngành đào tạo mới và cập nhật chương trình đào tạo nhân lực chuyên nghiệp ở đại học và các trường cao đẳng, dạy nghề với các nội dung liên quan đến dữ liệu và công nghệ số như trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, điện toán đám mây, Internet vạn vật, chuỗi khối, dữ liệu lớn.v.v. Xây dựng trung tâm nghiên cứu, đào tạo nhân lực về trí tuệ nhân tạo và các công nghệ số liên quan để đào tạo nhân lực CDS.

Cơ sở đào tạo xây dựng khung đánh giá năng lực số của người dạy và người học trên cơ sở khung năng lực số của Bộ Giáo

dục đào tạo quy định. Nhất là đội ngũ giảng viên phù hợp với phương thức đào tạo số thay thế khung đánh giá năng lực giảng viên hiện nay.

Bốn là: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ chuyển đổi số

Đổi mới trong giáo dục đại học thời đại CDS đòi hỏi rất lớn ở cơ sở hạ tầng kỹ thuật, thiết bị công nghệ thông tin phục vụ. Đây là điều kiện mang tính then chốt, là điều kiện bảo đảm cho việc **đổi mới giáo dục** đại học trong thời đại CDS mang lại hiệu quả. Nhà nước cần có chính sách quan tâm, cải cách thủ tục hành chính, ưu đãi về cơ sở hạ tầng, hỗ trợ, đầu tư hướng dẫn giúp cho các trường đại học CDS có sự đồng bộ cả về lộ trình, cách thức, phương pháp. Tạo điều kiện thuận lợi để các trường đại học thực hiện CDS một cách nhanh nhất và thuận lợi nhất.

Các trường đại học cần đầu tư, xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng mạng đồng bộ, trang thiết bị công nghệ thông tin cho cả người học, người trực tiếp giảng dạy, cơ sở giáo dục đại học và cơ quan quản lý, tạo sự thống nhất, đồng bộ, thông suốt. Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến, phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa.v.v. Đầu tư xây dựng hệ thống dữ liệu lớn (Big data) đủ đáp ứng công việc của mỗi trường đại học nói riêng và hệ thống giáo dục đại học nói chung. Đồng bộ số hóa

dữ liệu trong các hoạt động của các trường đại học đầy đủ thông tin phục vụ người học và các hoạt động chung của nhà trường.

Xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các trường đại học để phục vụ quản lý điện tử trên hạ tầng nền tảng điện toán đám mây; thực hiện quy chế chia sẻ thông tin qua hệ thống mạng giữa các trường đại học trong và ngoài nước. Hình thành Trung tâm thông tin và dự báo xu hướng phát triển của giáo dục đại học trong nước và quốc tế

Cơ sở đào tạo phải có giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng là then chốt để CDS thành công và bền vững, đồng thời là phần xuyên suốt, không thể tách rời trong quá trình CDS. Xây dựng và vận hành có hiệu quả Trung tâm điều hành an ninh mạng (SOC) phục vụ tốt cho việc lưu trữ và bảo mật cơ sở dữ liệu, tránh nguy cơ bị tấn công mạng, đánh cắp cơ sở dữ liệu.v.v. tại các trường đại học.

Phối hợp các cơ sở giáo dục đại học để xây dựng kho học liệu số phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học trên cơ sở thẩm định chặt chẽ về chất lượng.

Phát huy vai trò của người đứng đầu trong trong các cơ sở giáo dục đào tạo trong việc triển khai nhiệm vụ CDS gắn với mục tiêu nâng cao năng lực, hiệu quả điều hành, quản lý của Nhà trường.

4. KẾT LUẬN

Chuyển đổi số đã trở thành xu thế lớn, tác động mạnh mẽ đến các lĩnh vực của đời sống xã hội, làm thay đổi mạnh mẽ cách thức, phương pháp hoạt động của con người. Do đó, tiến hành đổi mới trong giáo

dục đại học không thể không tính đến những tác động của CDS. Việc đánh giá đúng vị trí, vai trò, tác động nâng cao NLS của đội ngũ giảng viên đến quá trình đổi mới trong giáo dục đại học góp phần quan trọng, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục đại học, thực hiện có hiệu quả chủ trương, quan điểm của Đảng về CDS hiện nay trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), Quyết định số 4740/QĐ-BGDĐT, ngày 06/12/2022, “Bộ chỉ số, chỉ tiêu tiêu chí đánh giá chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học”.

[2]. Cổng thông tin của thư viện pháp luật, <https://thuvienphapluat.vn/lao-dong-tien-luong/cam-nang-di-lam/nang-luc-so-la-gi-nang-luc-so-trong-giao-duc-la-gi-khung-nang-luc-so-cua-viet-nam-the-nao-vai-tro-cu-674.html>.

[3]. Cổng thông tin của thư viện pháp luật, <https://thuvienphapluat.vn/lao-dong-tien-luong/chuyen-doi-so-trong-giao-duc-la-gi-vi-du-ve-chuyen-doi-so-trong-giao-duc>.

[4]. Cục tin học hóa - Bộ Thông tin và Truyền thông (2023), truy cập 21/12/2023 từ <https://dx.moj.gov.vn/cam-nang-chuyen-doi-so.htm>.

[5]. TS Bùi Thị Huế, TS Bùi Đức Thịnh, TS Vũ Thị Tuyết Lan (2022), “Chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo: Thực trạng và Giải pháp” truy cập 15/08/2022.

[6]. Thủ tướng Chính phủ (2020). Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2020: phê duyệt đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”.

[7]. Thủ tướng Chính phủ(2020), Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

[8]. Thủ tướng Chính phủ (2022). Quyết định số 411/QĐ-TTg, ngày 31/3/2022: phê duyệt “Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

[9]. Trường Đại học Nghệ An – Khoa Kinh tế- Quản trị kinh doanh (2023), “Nâng cao năng lực số cho Giảng viên tại Trường Đại học Kinh tế Nghệ An” Truy cập 07/04/2023, <https://naue.edu.vn/dv-2/khoa-hoc-cong-nghe-226/nang-cao-nang-luc-so-cho-giang-vien-tai-truong-dai-hoc-kinh-te-nghe-an-5981.aspx>.

THÔNG TIN TÁC GIẢ:

Nguyễn Thị Hiền
 Học Viện Ngân Hàng – Phân Viện Phú Yên
 Email : hiennguyen.py@hvn.edu.vn
 SĐT: 0918.069.036



BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

Địa chỉ:

- Số 1: Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- Số 2: Số 72, đường Nguyễn Thái Học, phường Thái Học, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- Điện thoại: (0220) 3882 269 Fax: (0220) 3882 921 Website: <http://saodo.edu.vn> Email: info@saodo.edu.vn

**P. ISSN 1859-4190
E. ISSN 2815-553X**

Số 2 (90)

2025

Địa chỉ Tòa soạn:

Trường Đại học Sao Đỏ.

Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>/Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn.

Giấy phép xuất bản số: 620/GP-BTTTT ngày 17/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.
In 2.000 bản, khổ 21 × 29,7cm, tại Công ty TNHH in Tre Xanh, cấp ngày 17/02/2011.